

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2009 ĐẾN NGÀY 30/06/2009**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 25

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đường sắt đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Công ty Cổ phần Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Công trình Đường sắt, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, theo Quyết định số 3745/QĐ-BGTVT ngày 07/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008002 ngày 25/05/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (thay đổi lần 8 ngày 25/06/2009). Công ty có trụ sở chính đặt tại số 9 - Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là: 112.571.900.000 đồng  
(*Bằng chữ: Một trăm mười hai tỷ, năm trăm bảy mươi mốt đồng*)

### **Hoạt động sản xuất kinh doanh chính:**

- Sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi;
- Xây dựng công trình, đường ống, cấp thoát nước;
- Dọn dẹp mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng);
- Mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Mua bán nhiên liệu khác dùng trong động cơ (ga hoá lỏng);
- Mua bán và đại lý hàng hoá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Các dịch vụ về kiến trúc xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm, kiểm nghiệm, vật liệu xây dựng, thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;
- Thiết kế các công trình giao thông;
- Thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Đầu tư kinh doanh công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Hoạt động hỗ trợ vận tải: Bóc xếp hàng hoá, hoạt động kho bãi;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình);
- Giám sát thi công xây dựng công trình: cầu đường, dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ khảo sát và vẽ bản đồ;
- Sản xuất các cấu kiện thép: dầm cầu thép, khung nhà, rèn, dập, ép, cắt tạo thành sản phẩm;
- Mua bán và cho thuê: vật tư, phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phù tùng thay thế ngành giao thông vận tải và công nghiệp;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Dịch vụ xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu (không bao gồm day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phù tùng, phụ kiện chuyên dùng của ngành đường sắt;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị ngành giao thông vận tải;
- Sản xuất sản phẩm bê tông và xuất nhập khẩu,...

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Văn phòng Công ty CP Công trình Đường sắt	Số 9 - Láng Hạ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
2	Xí nghiệp Công trình 791	Số 144 - Đường Nguyễn Trường Tộ, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
3	Xí nghiệp Công trình 792	Đường Hữu nghị, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
4	Xí nghiệp Công trình 793	Số 292 - Đường Lê Duẩn, Thị xã Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
5	Xí nghiệp Công trình 796	249/1 Khu phố 2, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP Hồ Chí Minh
6	Xí nghiệp Công trình 798	Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, TP. Hà Nội
7	Xí nghiệp Công trình 875	Số 59 - Nguyễn Văn Cừ, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
8	Xí nghiệp Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	Khu 6, Thị trấn Phú Bài, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế
9	Xí nghiệp Công trình 879	Số 20, Bảo Quốc, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
10	Xí nghiệp Đá Hoàng Mai	Xã Quỳnh Thiện, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An
11	Xí nghiệp XNK và Dịch vụ Tổng hợp	Số 9 - Láng Hạ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
12	Xí nghiệp Sản xuất vật liệu và Xây dựng Minh Cẩm	Huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 25 kèm theo.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG KỲ VÀ SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc điều hành khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện nào phát sinh trong kỳ và sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị:**

Ông Nguyễn Thanh Huyền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Long	Ủy viên
Ông Cao Đăng Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Điềm	Ủy viên
Ông Võ Văn Phúc	Ủy viên

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

### **Ban Tổng Giám đốc điều hành:**

Ông Nguyễn Thanh Huyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Do	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tùng Vượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Điềm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Đăng Phúc	Phó Tổng giám đốc
	Kiểm Kế toán trưởng - Bổ nhiệm ngày 02/04/2009

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ, hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,**

---

**Nguyễn Thanh Huyền**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2009*

Số: /2009/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đường sắt  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Công trình Đường sắt

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 từ trang 06 đến trang 25 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đường sắt tại ngày 30/06/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

*Chúng tôi không phủ nhận ý kiến nêu trên mà chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính điểm sau:*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.10 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, một số khoản doanh thu của các công trình chưa được ghi nhận đầy đủ do Công ty chưa tập hợp đầy đủ các chi phí có liên quan để đảm bảo nguyên tắc phù hợp.

---

**Đào Xuân Dũng**

**Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0284/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2009*

---

**Nguyễn Minh Long**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0666/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2009

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2009	Tại ngày 01/01/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>436.135.637.743</b>	<b>370.992.992.965</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>IV.1</b>	<b>27.871.091.612</b>	<b>44.265.169.313</b>
1. Tiền	111		27.871.091.612	44.265.169.313
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>50.756.381.665</b>	<b>46.478.496.053</b>
1. Phải thu khách hàng	131		20.331.595.403	24.403.539.611
2. Trả trước cho người bán	132		29.674.519.059	19.170.364.296
5. Các khoản phải thu khác	135	IV.2	4.240.446.887	5.449.629.844
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(3.490.179.684)	(2.545.037.698)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>354.461.777.094</b>	<b>277.835.214.147</b>
1. Hàng tồn kho	141	IV.3	354.461.777.094	277.835.214.147
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.046.387.372</b>	<b>2.414.113.452</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.4	1.251.260.072	762.352.826
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		186.560.216	467.322.375
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	IV.5	37.897.125	78.885.870
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV.6	1.570.669.959	1.105.552.381
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>205.602.561.652</b>	<b>171.896.629.605</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>61.068.000</b>	<b>78.568.000</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218		61.068.000	78.568.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>153.572.160.512</b>	<b>124.651.637.208</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.7	125.263.853.853	108.802.473.956
- Nguyên giá	222		261.734.359.096	235.120.902.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(136.470.505.243)	(126.318.428.215)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV.8	28.308.306.659	15.849.163.252
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>IV.9</b>	<b>5.313.064.381</b>	<b>5.369.914.723</b>
- Nguyên giá	241		5.686.065.091	5.686.065.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(373.000.710)	(316.150.368)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>IV.10</b>	<b>35.316.043.150</b>	<b>34.801.630.662</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		35.211.043.150	34.696.630.662
3. Đầu tư dài hạn khác	258		105.000.000	105.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.340.225.609</b>	<b>6.994.879.012</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.11	11.340.225.609	6.994.879.012
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>641.738.199.395</b>	<b>542.889.622.570</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2009

DVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2009	Tại ngày 01/01/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>459.676.591.247</b>	<b>374.236.701.841</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>445.252.277.518</b>	<b>357.126.246.140</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV.12	60.326.108.692	40.763.701.142
2. Phải trả người bán	312		50.994.271.640	68.785.608.507
3. Người mua trả tiền trước	313		210.738.647.631	179.549.635.635
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV.13	8.288.859.803	10.958.349.046
5. Phải trả người lao động	315		6.075.148.163	7.904.479.979
6. Chi phí phải trả	316	IV.14	44.830.988.443	9.956.963.513
7. Phải trả nội bộ	317		13.139.290.576	13.700.868.160
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV.15	32.211.132.101	14.555.722.089
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	IV.16	18.647.830.469	10.950.918.069
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.424.313.729</b>	<b>17.110.455.701</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.862.700.000	1.738.700.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV.17	10.199.394.347	13.383.586.620
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.362.219.382	1.988.169.081
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>182.061.608.148</b>	<b>168.652.920.729</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>IV.18</b>	<b>178.737.846.253</b>	<b>163.609.793.764</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		98.319.600.000	98.319.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.882.996.079	36.882.996.079
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.804.029.823	21.992.029.823
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.415.167.862	6.415.167.862
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		15.316.052.489	-
<b>II. Quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>3.323.761.895</b>	<b>5.043.126.965</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		3.323.761.895	5.043.126.965
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>641.738.199.395</b>	<b>542.889.622.570</b>

Nguyễn Thanh Huyền  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2009

Cao Đăng Phúc  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2009*

*ĐVT: VND*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>V.1</b>	<b>181.637.549.343</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.319.189
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>181.626.230.154</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	V.2	154.679.248.242
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>26.946.981.912</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.3	456.273.846
7. Chi phí tài chính	22	V.4	3.181.951.822
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.205.178.181</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.5	8.866.371.354
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>15.354.932.582</b>
11. Thu nhập khác	31	V.6	2.227.665.477
12. Chi phí khác	32	V.7	78.538.071
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.149.127.406</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>17.504.059.988</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.188.007.499
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>15.316.052.489</b>
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		-
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>1.558</b>

Nguyễn Thanh Huyền  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2009

Cao Đăng Phúc  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận thuần trước thuế	01	17.504.059.988
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.118.528.859
- Các khoản dự phòng	03	947.829.177
- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(456.273.846)
- Chi phí lãi vay	06	2.205.178.181
3. Lưu chuyển tiền thuần trước những thay đổi của vốn lưu động	08	28.319.322.359
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(28.956.704.977)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(41.752.538.017)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	37.405.884.356
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(4.345.346.597)
- Lãi vay đã trả	13	(2.205.178.181)
- Thuế TNDN đã nộp	14	(3.995.004.291)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15	2.605.948.812
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	(2.539.638.990)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(15.463.255.526)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.326.713.144)
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(514.412.488)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	456.273.846
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(15.384.851.786)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
3. Tiền thu do đi vay	33	127.694.933.000
4. Tiền đã trả nợ vay	34	(111.316.717.723)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.924.185.666)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>14.454.029.611</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(16.394.077.701)</b>
<b>V. Tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>44.265.169.313</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
<b>VI. Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>27.871.091.612</b>

Nguyễn Thanh Huyền  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2009

Cao Đăng Phúc  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Công trình Đường sắt, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, theo Quyết định số 3745/QĐ-BGTVT ngày 07/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008002 ngày 25/05/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (thay đổi lần 8 ngày 25/06/2009). Công ty có trụ sở chính đặt tại số 9 - Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là: 112.571.900.000 đồng.  
(Bằng chữ: Một trăm mười hai tỷ, năm trăm bảy mươi một triệu, chín trăm ngàn đồng)

**2. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

- Sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi;
- Xây dựng công trình, đường ống, cấp thoát nước;
- Dọn dẹp mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng);
- Mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Mua bán nhiên liệu khác dùng trong động cơ (ga hoá lỏng);
- Mua bán và đại lý hàng hoá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Các dịch vụ về kiến trúc xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm, kiểm nghiệm, vật liệu xây dựng, thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;
- Thiết kế các công trình giao thông;
- Thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Đầu tư kinh doanh công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Hoạt động hỗ trợ vận tải: Bốc xếp hàng hoá, hoạt động kho bãi./.
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình);
- Giám sát thi công xây dựng công trình: cầu đường, dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ khảo sát và vẽ bản đồ;
- Sản xuất các cấu kiện thép: dầm cầu thép, khung nhà, rên, dạp, ép, cắt tạo thành sản phẩm;
- Mua bán và cho thuê: vật tư, phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phù tùng thay thế ngành giao thông vận tải và công nghiệp;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Dịch vụ xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu (không bao gồm day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phù tùng, phụ kiện chuyên dùng của ngành đường sắt;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị ngành giao thông vận tải;
- Sản xuất sản phẩm bê tông và xuất nhập khẩu,...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hàng kỳ, hàng năm của Công ty Cổ phần Công trình Đường sắt được lập trên cơ sở hợp cộng số liệu trong các Báo cáo tài chính hàng kỳ, hàng năm của các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- 1 Văn phòng Công ty CP Công trình Đường sắt
- 2 Xí nghiệp Công trình 791
- 3 Xí nghiệp Công trình 792
- 4 Xí nghiệp Công trình 793
- 5 Xí nghiệp Công trình 796
- 6 Xí nghiệp Công trình 798
- 7 Xí nghiệp Công trình 875
- 8 Xí nghiệp Cơ khí và Xây dựng Công trình 878
- 9 Xí nghiệp Công trình 879
- 10 Xí nghiệp Đá Hoàng Mai
- 11 Xí nghiệp XNK và Dịch vụ Tổng hợp
- 12 Xí nghiệp Sản xuất vật liệu và Xây dựng Minh Cẩm (Thành lập từ tháng 4/2009)

**2 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009.

**III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể khó thu hồi do khách nợ mất khả năng thanh toán.

**4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Đối với hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chủ yếu là các công trình xây dựng dở dang chưa được xác định doanh thu. Các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này được tập hợp trên cơ sở các chi phí trực tiếp tại các công trình. Giá trị xây lắp dở dang được xác định mang tính ước tính cao và có thể thay đổi tùy thuộc vào chủ trương và chính sách của Công ty.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế (giá gốc) của hàng tồn kho cao hơn giá thị trường tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**5 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản cố định</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	3 - 5

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****6 Bất động sản đầu tư và hao mòn**

Bất động sản đầu tư là bất động sản được Công ty sử dụng với mục đích cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao được xác định tương đương với các tài sản cố định cùng loại.

**7 Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận và phân ánh theo giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm từ các liên doanh mà Công ty có tham gia góp vốn được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính. Trường hợp các liên doanh bị lỗ, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo quy định hiện hành.

**8 Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 - 3 năm.

**9 Chi phí dự phòng bảo hành công trình xây lắp**

Năm 2009, Công ty thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với việc trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp, theo đó chi phí dự phòng bảo hành công trình xây lắp được trích lập căn cứ vào doanh thu được ghi nhận nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Với mức trích lập dự phòng bảo hành công trình là 5% doanh thu ghi nhận, việc trích lập dự phòng bảo hành công trình không đồng nhất với thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hành. Theo đó, các khoản chi phí bảo hành này được phân ánh và theo dõi và chỉ hoàn nhập khi hết trách nhiệm bảo hành công trình được ghi nhận trên hợp đồng.

**10 Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu xây dựng được xác định khi công trình đã hoàn thành, có quyết toán, bàn giao cho khách hàng và khách hàng chấp nhận thanh toán. Đối với những công trình có nhiều hạng mục và được nghiệm thu từng phần, doanh thu được ghi nhận cho từng hạng mục (hoặc phần công việc) đã hoàn thành trên cơ sở Biên bản nghiệm thu khối lượng có xác nhận của chủ đầu tư.

Đối với các công trình hoặc hạng mục công trình đã hoàn thành và có Biên bản nghiệm thu xác nhận A - B nhưng chưa được thanh toán và Công ty chưa tập hợp được đầy đủ các chi phí liên quan để đảm bảo nguyên tắc phù hợp thì doanh thu chưa được ghi nhận. Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2009, doanh thu của các công trình (hoặc hạng mục công trình) đã được nghiệm thu nhưng chưa được ghi nhận với số tiền khoảng 37 tỉ đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****10 Ghi nhận doanh thu và chi phí (tiếp theo)**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Công ty liên doanh, liên kết mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**11 Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Lợi nhuận phát sinh do đánh giá lại tỷ giá của các khoản công nợ, tiền mặt có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối.

**12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (vốn hóa) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Đối với các công trình được ký hợp đồng và đang thực hiện trước ngày 01/01/2004, thuế suất thuế GTGT đầu ra là 5%; đối với các công trình được ký hợp đồng sau ngày 01/01/2004, thuế suất thuế GTGT đầu ra là 10%.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 25%. Tuy nhiên, do Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần từ năm 2005 nên được hưởng ưu đãi miễn thuế 2 năm kể từ năm đầu tiên có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp cho 3 năm tiếp theo, được quy định tại Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Nghị định 164/2003/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ được ban hành ngày 22/12/2003. Theo đó, trong năm 2009, Công ty được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty chỉ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 với mức là 12,5% thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tại ngày 30/06/2009 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2009 VND</b>
Tiền mặt	1.216.347.237	409.654.967
Tiền gửi ngân hàng	26.654.744.375	43.855.514.346
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>27.871.091.612</u></b>	<b><u>44.265.169.313</u></b>

**2 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Tại ngày 30/06/2009 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2009 VND</b>
+ Chi phí Ban quản lý dự án 31 Láng Hạ	1.965.672.324	1.563.797.324
+ Phải thu khác	1.234.474.828	1.149.003.982
+ Chi phí dự án nhà ở tại Vinh	682.702.135	371.631.667
+ Chi phí 4 bộ dầm	297.200.000	297.200.000
+ Chi phí dự án mở rộng ga Vinh	60.397.600	-
+ Công ty Quản lý Đường sắt Thanh Hoá	-	1.479.757.825
+ Tiền xây dựng nghĩa trang Hoàng mai	-	588.239.046
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.240.446.887</u></b>	<b><u>5.449.629.844</u></b>

**3 Hàng tồn kho**

	<b>Tại ngày 30/06/2009 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2009 VND</b>
Nguyên vật liệu	146.606.888.346	133.939.779.582
Công cụ dụng cụ	8.271.836.785	6.564.300.073
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	191.454.046.982	132.342.973.778
Thành phẩm tồn kho	8.125.010.068	4.984.264.693
Hàng hoá	3.994.913	3.896.021
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>354.461.777.094</u></b>	<b><u>277.835.214.147</u></b>

**4 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 30/06/2009 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2009 VND</b>
+ Chi phí công cụ dụng cụ	958.553.331	514.967.685
+ Tiền thuê đất số 9 Láng Hạ	228.747.500	55.507.400
+ Chi phí san lấp mặt bằng kho Hương Thủy	63.959.241	191.877.741
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.251.260.072</u></b>	<b><u>762.352.826</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5 Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Thuế Giá trị gia tăng	36.397.125	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	77.385.870
Thuế khác	1.500.000	1.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.897.125</b>	<b>78.885.870</b>

**6 Tài sản ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	20.003.462	20.003.462
Tạm ứng	1.550.666.497	1.085.548.919
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.570.669.959</b>	<b>1.105.552.381</b>

**7 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
Tại ngày 01/01/2009	50.106.691.741	129.471.194.133	50.100.929.615	5.442.086.682	235.120.902.171
Tăng trong kỳ	1.309.323.442	8.595.228.563	16.449.903.389	259.001.531	26.613.456.925
- Tăng do mua mới	-	3.022.940.359	0	74.084.506	3.097.024.865
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.309.323.442	5.029.252.490	12.205.552.108	184.917.025	18.729.045.065
- Tăng khác	-	543.035.714	4.244.351.281	-	4.787.386.995
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2009	<b>51.416.015.183</b>	<b>138.066.422.696</b>	<b>66.550.833.004</b>	<b>5.701.088.213</b>	<b>261.734.359.096</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2009	13.079.588.651	71.428.871.367	37.248.687.902	4.561.280.295	126.318.428.215
Tăng trong kỳ	1.092.130.225	4.060.595.164	4.636.380.398	362.971.241	10.152.077.028
- Trích khấu hao trong năm	1.092.130.225	4.060.595.164	2.545.981.887	362.971.241	8.061.678.517
- Tăng khác	-	-	2.090.398.511	-	2.090.398.511
Tại ngày 30/06/2009	<b>14.171.718.876</b>	<b>75.489.466.531</b>	<b>41.885.068.300</b>	<b>4.924.251.536</b>	<b>136.470.505.243</b>
<b>Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình</b>					
Tại ngày 01/01/2009	<b>37.027.103.090</b>	<b>58.042.322.766</b>	<b>12.852.241.713</b>	<b>880.806.387</b>	<b>108.802.473.956</b>
Tại ngày 30/06/2009	<b>37.244.296.307</b>	<b>62.576.956.165</b>	<b>24.665.764.704</b>	<b>776.836.677</b>	<b>125.263.853.853</b>

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2009 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 90.693.295.143 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
<b>Mua sắm TSCĐ</b>	<b>19.423.664.822</b>	<b>6.111.114.789</b>
+ Cần cầu bánh xích Sumitoko	5.935.000.000	-
+ Đất và Tài sản Tại Quế Võ - Bắc Ninh	5.732.272.727	-
+ Xe lao dầm Supert-T	2.238.583.134	2.238.583.134
+ Mua sắm trang thiết bị Nhà xưởng Dĩ An Sài Gòn	1.429.090.909	909.090.909
+ Giá Pooctich dầm dẫn lao lắp dầm	1.209.523.809	-
+ Trang thiết bị nhà hàng 131 - Thạch Hãn	915.590.611	915.590.611
+ Quả búa đóng cọc Diesel	832.619.048	-
+ Các công trình khác	437.095.252	855.584.591
+ Hệ thống Sauna Massage Nhà khách 131-Thạch Hãn	330.794.582	-
+ Mua sắm trang thiết bị nhà kho Kim Nỗ	217.990.944	217.990.944
+ Công trình mở rộng nhà xưởng sản xuất	145.103.806	145.103.806
+ Công trình xây dựng nhà kho, xưởng Quảng trị	-	432.921.960
+ Máy cắt thép DUL	-	207.272.727
+ Công trình cải tạo Nhà khách XN 875	-	161.349.826
+ Xe Đúc Hẫng	-	27.626.281
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>8.884.641.837</b>	<b>9.738.048.463</b>
+ Nhà xưởng Dĩ An Sài Gòn	3.354.493.364	3.354.493.364
+ Nhà làm việc 131, Thạch Hãn	1.954.094.600	1.954.094.600
+ Tiền mua đất khu nhà điều hành	1.100.550.000	1.620.550.000
+ Nhà nghỉ Đồng Hới, Quảng Bình	765.144.700	765.144.700
+ Công trình nhà xông hơi Huế	750.120.718	750.120.718
+ Nhà kho Kim Nỗ	392.173.452	392.173.452
+ Nhà Measage 131 Thạch Hãn	250.444.300	250.444.300
+ XN 878 Đầu tư TSCĐ	154.545.454	612.288.080
+ Sản xuất 10 bộ vì kèo nhà kho XN 875	124.336.000	-
+ Bể nước ngầm TVBTDUL Hoàng Mai	38.739.249	38.739.249
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.308.306.659</b>	<b>15.849.163.252</b>

**9. Bất động sản đầu tư**

	Tại ngày 01/01/2009 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 30/06/2009 VND
<b>Nguyên giá Bất động sản đầu tư</b>	<b>5.686.065.091</b>	-	-	<b>5.686.065.091</b>
- Nhà số 9 Láng Hạ	5.686.065.091	-	-	5.686.065.091
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>316.150.368</b>	<b>56.850.342</b>	-	<b>373.000.710</b>
- Nhà số 9 Láng Hạ	316.150.368	56.850.342	-	373.000.710
<b>Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư</b>	<b>5.369.914.723</b>	-	-	<b>5.313.064.381</b>
- Nhà số 9 Láng Hạ	38.144.122.549	-	-	5.313.064.381

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>35.316.043.150</b>	<b>34.801.630.662</b>
+ Đầu tư Đường tránh BOT Đồng Hới	31.779.600.000	31.779.600.000
+ Đầu tư CP cty CPTVĐT & XD Đường Sắt	3.375.000.000	2.860.587.512
+ Mua 1000 CP tại cty VTĐS Sài Gòn	100.000.000	100.000.000
+ Đầu tư đường cao tốc ĐN - Quảng Ngãi	56.443.150	56.443.150
+ Mua trái phiếu xây dựng Thủ đô Hà Nội	5.000.000	5.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.316.043.150</b>	<b>34.801.630.662</b>

**11 Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
+ Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.277.092.797	6.903.535.903
+ Chi phí sửa chữa tài sản	63.132.812	91.343.109
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.340.225.609</b>	<b>6.994.879.012</b>

**12 Vay và nợ ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn	60.326.108.692	32.747.701.142
+ Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Đông Đô	60.325.738.000	32.453.503.000
+ Vay cán bộ công nhân viên	370.692	294.198.142
Vay dài hạn đến hạn trả	-	8.016.000.000
+ Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Đông Đô	-	8.016.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>60.326.108.692</b>	<b>40.763.701.142</b>

**13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.559.974.818	6.764.453.312
Thuế tiêu thụ đặc biệt	11.319.189	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.188.007.499	3.995.004.291
Thuế tài nguyên	48.655.425	30.440.091
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	443.021.172	-
Thuế, phí, lệ phí khác phải nộp Ngân sách	37.881.700	168.451.352
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.288.859.803</b>	<b>10.958.349.046</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**14 Chi phí phải trả**

	Tại ngày 30/06/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Chi phí phải trả của Dự án Sài Gòn-Trung Lương	14.690.489.943	-
Chi phí phải trả của Công trình Cầu Cửa Việt	10.061.038.004	-
Chi phí phải trả của Công trình BOT	9.106.963.513	9.106.963.513
Chi phí phải trả của Dự án Nam Sông Hậu	7.003.529.808	-
Chi phí phải trả Công trình Cầu An Cựu, Lương Điền	1.669.636.295	-
Chi phí phải trả Gói 8: Các Cầu Km 87-Km 114	1.449.330.880	-
Chi phí phải trả của Công trình Cầu Đa Phúc	850.000.000	850.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.830.988.443</b>	<b>9.956.963.513</b>

Phản ánh là khoản Công ty ước tính giá vốn cho các công trình dở dang do các đơn vị trực thuộc thi công, tương ứng với phần doanh thu đã được xác định tại văn phòng Công ty tại ngày 30/06/2009, nhưng chưa được Công ty quyết toán Chi phí. Cách hạch toán này làm cho giá trị khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và các khoản chi phí phải trả tại ngày 30/06/2009 tăng lên tương ứng là trên 44,8 tỉ đồng.

**15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Kinh phí công đoàn	883.100.027	519.682.446
Bảo hiểm xã hội	473.888.228	208.916.386
Bảo hiểm y tế	43.140.886	34.895.871
Bảo hiểm thất nghiệp	12.547.921	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	360.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.798.455.039	13.432.227.386
+ Tiền thu từ việc bán cổ phần (*)	22.726.400.000	-
+ Phải trả Dự Án nhà Kim Nổ - Đông Anh	1.335.512.785	1.319.642.785
+ Tiền đặt cọc thuê nhà	594.356.001	594.356.001
+ Ban Quản lý Dự Án 85	532.924.454	532.924.454
+ Phí học công nhân kỹ thuật chất lượng cao	292.000.000	-
+ Chi phí cải tạo nhà trạm 76	199.025.300	1.498.300
+ Quỹ xoá đói giảm nghèo	148.200.000	184.200.000
+ Quỹ tìm kiếm việc làm	123.530.029	83.199.459
+ Quỹ nhà ở CNV	109.478.292	90.578.292
+ Khoản cổ tức tạm chia cho các cổ đông	59.113.112	5.972.598.586
+ Quỹ KK Tài năng trẻ	40.545.000	49.895.000
+ DNTN Vũ phương	30.000.000	30.000.000
+ Phải trả khác	4.607.370.066	4.573.334.509
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.211.132.101</b>	<b>14.555.722.089</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (tiếp theo)**

(\*) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu theo quyết định số 370/UBCK-GCN của UBCK ngày 06/01/2009 về việc chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng. Tuy nhiên, đến thời hạn kết thúc phát hành, Công ty chưa bán hết số cổ phần như đã đăng ký, số cổ phần chưa bán hết là 1.418.320 cổ phần. Theo đó, ngày 08/04/2009 tại Nghị quyết số 335 ngày 08/04/2009 của Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc chào bán riêng lẻ đối với số cổ phần chưa bán hết trên. Đến thời điểm ngày 30/06/2009 Công ty đã tạm thu số tiền bán cổ phần của một số nhà đầu tư cho số cổ phần trên với số tiền là 22.726.400.000 đồng.

**16 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Là các khoản dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng đã hoàn thành với mức trích lập là 5% giá trị khối lượng xây lắp nghiệm thu được chủ đầu tư xác nhận.

**17 Vay và nợ dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
<b>Vay dài hạn</b>		
+ Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Đông Đô	9.806.483.203	12.964.485.000
+ Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Hoàng Mai	392.911.144	419.101.620
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.199.394.347</b>	<b>13.383.586.620</b>

**18 Vốn chủ sở hữu**

**18.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 112.571.900.000 đồng. Tình hình các cổ đông góp vốn và số vốn đã góp đến ngày 30/06/2009 cụ thể như sau:

TT	Cổ đông	Tại 01/01/2009		Tại 30/06/2009	
		Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp	Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp
		VND	%	VND	%
1	Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	47.676.500.000	48%	47.676.500.000	48%
2	Các cổ đông khác	50.643.100.000	52%	50.643.100.000	52%
	<b>Cộng</b>	<b>98.319.600.000</b>	<b>100%</b>	<b>98.319.600.000</b>	<b>100%</b>

**18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/09 đến 30/06/09 VND	Năm 2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	98.319.600.000	98.319.600.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	98.319.600.000	98.319.600.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>10.219.232.131</b>	<b>10.219.232.131</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**18.3. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn CP VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2008</b>	<b>82.502.800.000</b>	<b>19.866.196.079</b>	<b>12.495.223.498</b>	<b>3.838.236.655</b>	<b>-</b>	<b>118.702.456.232</b>
- Trích quỹ, phân phối lợi nhuận năm trước	15.816.800.000	17.016.800.000	-	-	-	32.833.600.000
- Tăng quỹ thuế được ưu đãi năm trước	-	-	-	-	25.769.312.076	25.769.312.076
- Tăng khác	-	-	389.054.400	-	-	389.054.400
- Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	9.107.751.925	2.576.931.207	-	11.684.683.132
- Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(15.550.079.945)	(15.550.079.945)
- Giảm khác	-	-	-	-	(10.219.232.131)	(10.219.232.131)
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b>98.319.600.000</b>	<b>36.882.996.079</b>	<b>21.992.029.823</b>	<b>6.415.167.862</b>	<b>-</b>	<b>163.609.793.764</b>
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	<b>98.319.600.000</b>	<b>36.882.996.079</b>	<b>21.992.029.823</b>	<b>6.415.167.862</b>	<b>-</b>	<b>163.609.793.764</b>
- Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	15.316.052.490	15.316.052.490
- Giảm khác	-	-	(188.000.000)	-	-	(188.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2009</b>	<b>98.319.600.000</b>	<b>36.882.996.079</b>	<b>21.804.029.823</b>	<b>6.415.167.862</b>	<b>15.316.052.490</b>	<b>178.737.846.254</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>181.637.549.343</b>
Trong đó:	
+ Doanh thu xây lắp	147.451.620.827
+ Doanh thu bán hàng	30.238.335.605
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.947.592.911
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>11.319.189</b>
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	11.319.189
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>181.626.230.154</b>

**2 Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	129.638.581.409
Giá vốn hàng bán	23.027.468.417
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	2.013.198.416
<b>Tổng cộng</b>	<b>154.679.248.242</b>

**3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	165.667.143
Cổ tức và lợi nhuận được chia	290.606.703
<b>Tổng cộng</b>	<b>456.273.846</b>

**4 Chi phí tài chính**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Chi phí lãi vay	2.205.178.181
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	797.369.081
Lỗi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	179.404.560
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.181.951.822</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.910.168.264
Chi phí vật liệu quản lý	164.255.961
Chi phí đồ dùng văn phòng	351.351.241
Chi phí khấu hao tài sản cố định	624.583.939
Các khoản chi phí dự phòng	947.829.177
Thuế và các khoản lệ phí	232.747.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.062.829.272
Chi phí khác bằng tiền	1.572.606.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.866.371.354</b>

**6 Thu nhập khác**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	640.263.636
Thu nhập khác từ phát hiện thừa trong kiểm kê	228.887.439
Thu chênh lệch vật tư bán cho các Xí nghiệp	607.404.718
Thu nhập từ cho thuê thiết bị	460.619.824
Thu nhập khác	290.489.860
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.227.665.477</b>

**7 Chi phí khác**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	44.413.071
Tiền bồi thường kinh phí đào tạo	13.299.000
Các khoản chi khác	20.826.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>78.538.071</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Công trình Đường sắt là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, các đơn vị trực thuộc và Công ty TNHH B.O.T đường tránh Thành phố Đồng Hới. Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

**a) Các giao dịch với bên liên quan**

Cung cấp hàng hoá dịch vụ	Từ ngày	Năm 2008
	01/01/2009	
	VND	VND
Cung cấp sản phẩm xây lắp	43.989.369.005	120.700.953.183
- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	43.989.369.005	77.271.862.274
- Công ty TNHH BOT đường tránh TP Đồng Hới	-	43.429.090.909
Dịch vụ cho thuê văn phòng	307.817.181	703.228.681
- Ban quản lý 31 Láng Hạ	50.908.091	139.228.681
- Công ty CP tư vấn đầu tư và Xây dựng Đường sắt	256.909.090	564.000.000
Mua bán ray	1.481.001.549	-
- Công ty Quản lý Đường Sắt Thanh Hoá	1.481.001.549	-
Thu nhập khác	636.363.636	-
- Công ty CP tư vấn đầu tư và Xây dựng Đường sắt	636.363.636	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.414.551.371</b>	<b>121.404.181.864</b>

**b) Số dư với bên liên quan**

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
<b>Phải trả nội bộ</b>	<b>13.139.290.576</b>	<b>13.700.868.160</b>
- Văn phòng Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	12.627.703.693	13.189.281.277
- Công ty Vận tải Hành khách đường sắt Hà Nội	410.937.682	410.937.682
- Phân ban Cơ sở hạ tầng Đường sắt Khu vực I	100.649.201	100.649.201
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>	<b>1.595.852.074</b>	<b>1.977.596.872</b>
- Công ty Quản lý Đường Sắt Thanh Hoá	-	1.023.618.998
- Công ty Vận tải Hành khách đường sắt Hà Nội	743.745.350	501.871.150
- Công ty Vận tải Hành khách đường sắt Sài Gòn	700.000.000	300.000.000
- Công ty Quản lý Đường Sắt Quảng Bình	152.106.724	152.106.724
<b>Khách hàng ứng tiền trước</b>	<b>12.462.089.502</b>	<b>10.900.575.502</b>
- Liên danh Công ty Cổ phần Công trình 3	6.767.209.502	4.223.095.502
- Công ty TNHH BOT đường tránh TP Đồng Hới	5.661.180.000	5.661.180.000
- Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng Đường Sắt	33.700.000	1.016.300.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.197.232.152</b>	<b>26.579.040.534</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b) Số dư với bên liên quan (Tiếp theo)**

	Tại ngày 30/06/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>6.528.977.410</b>	<b>6.783.468.321</b>
- Ban Quản lý 31 Láng Hạ	4.038.738.895	992.739.995
- Công ty Quản lý Đường Sắt Thanh Hoá	1.555.051.626	-
- Công ty Quản lý Đường Sắt Đà Nẵng	423.221.593	5.278.763.030
- Công ty Quản lý Đường Sắt Quảng Bình	385.950.931	385.950.931
- Công ty Quản lý Đường Sắt Bình Trị Thiên	126.014.365	126.014.365
<b>Ứng trước cho người bán</b>	<b>4.492.199.517</b>	<b>3.111.568.526</b>
- Công ty Quản lý Đường sắt Hà Lạng	-	516.714.450
- Trường Cao đẳng nghề Đường sắt I	-	115.000.000
- Công ty CP Công trình 6	2.300.000.000	915.636.000
- Công ty Quản lý Đường Sắt Thanh Hoá	1.217.981.441	-
- Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	738.395.607	1.238.395.607
- Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng Đường sắt	108.748.461	198.748.461
- Công ty Phát triển nhà Đường sắt	103.074.008	103.074.008
- Trung tâm đào tạo KTNV Đường sắt Đà Nẵng	24.000.000	24.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.965.672.324</b>	<b>1.563.797.324</b>
- Ban Quản lý 31 Láng Hạ	1.965.672.324	1.563.797.324
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.986.849.251</b>	<b>11.458.834.171</b>

**2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán và được phân loại lại để phù hợp với mục đích so sánh của Báo cáo tài chính này.

Nguyễn Thanh Huyền

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2009

Cao Đăng Phúc

Kế toán trưởng